thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện thủ tục bảo hộ giải pháp hữu ích ở Việt Nam.

Điều 28. — Bảo hộ giải pháp hữu ích mật:

1. Giải pháp hữu ích có liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia, giải pháp hữu ích cần giữ bí mật vì lợi ích kinh tế quốc gia được coi là giải pháp hữu ích mật.

2. Quy định về bảo hộ giải pháp hữu ích mật tuân theo quy định về bảo hộ sáng chế mật do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ ban hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. — Điều khoản chuyển tiếp:

1. Đối với những đơn xin bảo hộ sáng chế đã bị từ chối cấp bằng trên cơ sở Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật — hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định số 31-CP ngày 23-1-1981, người nộp đơn xin bảo hộ sáng chế có quyền, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ban hành Điều lệ này, nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích cho chính giải pháp đó.

Thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ các giải pháp hữu ích này được tính từ ngày nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Trước ngày nộp đơn của giải pháp hữu ích được cấp bằng trên cơ sở điểm 1 nêu trên, cá nhân hoặc pháp nhân nào đã sử dụng hoặc chuẩn bị những điều kiện cần thiết để sử dụng một giải pháp đồng nhất với giải pháp được cấp bằng được tiếp tục sử dụng giải pháp đó, nhưng không được mở rộng khối lượng và phạm vi sử dụng, không được chuyển giao quyền sử dụng cho người khác.

Điều 30. — Tổ chức thi hành:

1. Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ và quy định về lệ phí liên quan đến việc bảo hộ giải pháp hữu ích.

2. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến và thi hành Điều lệ này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 201-HĐBT ngày 28-12-1988 ban hành Điều lệ về mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Điều lệ về mua bán lixăng).

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Để tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Điều lệ về mua bán lixăng).

Điều 2. — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với những quy định trong Điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hộ đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

ĐIỀU LỆ về mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Điều lệ về mua bán lixăng)

(ban hành kèm theo Nghị định số 201-HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. —

1. Điều lệ này quy định việc mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (dưới đây gọi tắt là mua bán lixăng) áp dụng cho mọi cá nhân và pháp nhân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

2. Các cá nhân và pháp nhân nước ngoài (dưới đây còn gọi tắt là Bên nước ngoài) cũng được quyền tiến hành các hoạt động mua bán lixăng theo đúng những quy định trong Điều lệ này và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Điều 2. —

1. Đối tượng lixăng là quyền sử dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa đang còn hiệu lực bảo hộ pháp lý.

2. Đối tượng lixăng cũng có thể là các kiến thức số liệu, tài liệu, thông tin kỹ thuật bí mật (dưới đây gọi tắt là bí quyết kỹ thuật), bản vẽ thiết kế, mô hình sản phẩm liên quan tới các đối tượng nêu trên kể cả khi văn bằng bảo hộ các đối tượng đó hết hiệu lực.

Điều 3. —

1 Các cá nhân và pháp nhân (kể cả Bên nước ngoài) chỉ được phép bán các đối tượng lixăng (nêu ở điều 2 của Điều lệ này) thuộc quyền sở hữu của mình hoặc các đối tượng lixăng trong hợp đồng lixăng độc quyền mà các cá nhân hoặc pháp nhân đó được phép bán lixăng phụ thuộc hoặc theo điểm 5, điều 6 của Điều lệ này.

2. Đối với các sáng chế thuộc quyền sở hữu của Nhà nước (đã được cấp bằng tác giả sáng chế và đang còn thời hạn hiệu lực), các pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, xí nghiệp công tư hợp doanh được cấp giấy chứng nhận sáng chế công vụ hoặc tác giả sáng chế được quyền bán lixăng cho các tổ chức kinh tế tập thể, tư nhân và được quyền bán bí quyết kỹ thuật có liên quan tới sáng chế được cấp bằng nói trên.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Các cá nhân và pháp nhân Việt Nam trước khi tiến hành việc giao dịch và bán lixăng ra nước ngoài phải được Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước cho phép.

Điều 4.—

1. Tất cả các pháp nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền mua lixăng (kể cả mua lixăng của nước ngoài) để phục vụ sản xuất, kinh doanh của mình nếu thấy việc mua lixăng đó đưa lại hiệu quả cao hơn.

2. Nghiêm cấm việc mua lixăng để thủ tiêu hoặc hạn chế việc sử dụng đối tượng lixăng nhằm mục đích cạnh tranh phi pháp hoặc hạn chế áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Chương II

HỢP ĐỒNG LIXĂNG

Điều 5.—

1. Việc mua bán lixăng được tiến hành trên nguyên tắc hợp đồng.

2. Hợp đồng lixăng là văn bản pháp lý thể hiện những cam kết giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng nhằm thiết lập, thay đổi hoặc đình chỉ mối quan hệ, nghĩa vụ và quyền lợi của các bên đối với đối tượng lixăng nêu ở điều 2 của Điều lệ.

Điều 6.— Trong hợp đồng lixăng không được phép có những điều khoản nhằm:

1. Hạn chế một cách bất hợp lý bên mua lixăng sử dụng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sản xuất theo lixăng (kể cả việc xuất khẩu các sản phẩm sản xuất theo lixăng).

2. Khống chế một cách bất hợp lý giá tiêu thụ sản phẩm do bên mua lixăng sản xuất.

3. Cấm bên mua lixăng tiếp tục cải tiến, hoàn thiện đối tượng lixăng hoặc cấm bên mua lixăng sử dụng kỹ thuật tương tự của các cá nhân và pháp nhân khác.

4. Cấm bên mua lixăng tiếp tục sử dụng đối tượng lixăng đã mua sau khi hợp đồng hết hiệu lực (trừ nhãn hiệu hàng hóa).

5. Cấm bên mua lixăng độc quyền cấp lixăng phụ thuộc cho bên thứ 3 khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong một số trường hợp do những yêu cầu đặc biệt của kinh tế quốc dân, quốc phòng và an ninh quốc gia trên cơ sở đề nghị của cơ quan chủ quản, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể phê duyệt những hợp đồng lixăng được ký với Bên nước ngoài có điều khoản bao hàm một số nội dung hạn chế nêu trên.

Điều 7. —

1. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng lixăng không được phép quá 7 năm kể từ ngày:

— Hợp đồng được ký kết (trường hợp hợp đồng được ký kết giữa các bên trong nước).

— Hợp đồng được Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước phê duyệt (trường hợp hợp đồng được ký kết với Bên nước ngoài).

2. Hợp đồng lixăng hết hiệu lực khi:

— Các văn bằng bảo hộ đối tượng lixăng mất hiệu lực.

— Hợp đồng bị hủy bỏ theo các trường hợp nêu tại điều 17 của Điều lệ.

Chương III

KÝ KẾT PHÊ DUYỆT VÀ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG LIXĂNG

Điều 8. — Các bên ký kết hợp đồng lixăng phải có đầy đủ tư cách về mặt pháp lý và khả năng thực hiện những cam kết được thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 9. — Các hợp đồng lixăng được ký kết giữa các cá nhân và pháp nhân trong nước phải theo đúng thủ tục về ký kết hợp đồng kinh tế do Nhà nước quy

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

định và phải được đăng ký và nộp lưu hợp đồng tại Cục Sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước theo đúng điều 14 của Điều lệ.

Điều 10. — Khi ký kết hợp đồng lixăng với Bên nước ngoài, các cá nhân và pháp nhân phải thực hiện những quy định sau :

1. Trước khi tiến hành hoạt động mua bán lixăng, các pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp Nhà nước, xí nghiệp công tư hợp doanh phải báo cáo với cơ quan chủ quản (Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương) và phải được cơ quan chủ quản chấp thuận.

Trường hợp muốn bán lixăng ra nước ngoài, mọi cá nhân và pháp nhân phải thực hiện quy định nêu tại điểm 3, điều 3 của Điều lệ này.

2. Chỉ có các tổ chức, đơn vị cơ sở (gọi chung là các tổ chức được phép xuất nhập khẩu lixăng) sau đây được quyền giao dịch và ký kết hợp đồng mua, bán lixăng với nước ngoài :

— Các tổ chức xuất nhập khẩu được Nhà nước cho phép mua bán lixăng với nước ngoài ;

— Các tổ chức được Nhà nước cho phép thực hiện các dịch vụ mua bán lixăng với nước ngoài ;

— Các đơn vị cơ sở Nhà nước cho phép hợp tác kinh tế trực tiếp với nước ngoài.

Các tổ chức được phép xuất nhập khẩu lixăng trên đây phải thực hiện đúng các quy định và hướng dẫn của Bộ Kinh tế đối ngoại trong việc ký kết hợp đồng với nước ngoài.

3. Các cá nhân và pháp nhân khác (ngoài điểm 2 nêu trên) muốn mua, bán lixăng với nước ngoài thì được quyền chọn tổ chức xuất nhập khẩu lixăng thích hợp nêu trên để ủy thác việc mua, bán lixăng. Việc ủy thác được tiến hành trên cơ sở hợp đồng và lệ phí dịch vụ do hai bên thỏa thuận.

Điều 11. — Trong quá trình đàm phán ký kết hợp đồng mua, bán lixăng với nước ngoài, bên nhận ủy thác phải phối hợp chặt chẽ với bên ủy thác. Trường hợp cần thiết, đại diện bên ủy thác phải được cùng tham gia đàm phán với bên nước ngoài.

Điều 12. —

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng lixăng với Bên nước ngoài, các cá nhân pháp nhân mua, bán lixăng có trách nhiệm lập và nộp đầy đủ hồ sơ xin phê duyệt hợp đồng lixăng cho Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Trong trường hợp pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước hoặc xí nghiệp công tư hợp doanh phải gửi một bản sao hợp đồng cho cơ quan chủ quản.

2. Hồ sơ xin phê duyệt hợp đồng lixăng bao gồm :

— Đơn xin phê duyệt hợp đồng lixăng.

— Hợp đồng lixăng được viết bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

— Bản sao các văn bằng bảo hộ của các đối tượng lixăng.

Điều 13. —

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin phê duyệt hợp đồng lixăng, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm trả lời đơn xin phê duyệt và có quyền kéo dài thời hạn trên thêm 60 ngày, nhưng phải thông báo chính thức bằng văn bản và nêu rõ lý do kéo dài thời hạn trả lời cho cá nhân hoặc pháp nhân xin phê duyệt hợp đồng lixăng.

2. Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin phê duyệt, nếu không có thông báo kéo dài thời gian phê duyệt hoặc quá 90 ngày kể từ ngày nhận đơn (trường hợp có thông báo kéo dài thời hạn phê duyệt) mà Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước không ra quyết định từ chối phê duyệt hợp đồng thì hợp đồng lixăng coi như được phê duyệt.

3. Trước khi ra quyết định phê duyệt hợp đồng, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

kiến của cơ quan chủ quản (nếu pháp nhân xin phê duyệt hợp đồng là cơ quan, xí nghiệp Nhà nước hoặc xí nghiệp công tư hợp doanh) và ý kiến của các cơ quan khác có liên quan. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể thành lập Hội đồng chuyên gia tư vấn phê duyệt hợp đồng lixăng. Hội đồng này do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra quyết định thành lập phải có đại diện của các cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài, tài chính, ngân hàng.

Điều 14. —

1. Sau khi hợp đồng lixăng được phê duyệt (trường hợp ký kết với bên nước ngoài) hoặc sau khi ký kết (trường hợp hợp đồng được ký kết giữa các bên trong nước) hợp đồng lixăng phải được đăng ký và nộp lưu tại Cục Sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước để ghi nhận về mặt pháp lý việc chuyển giao đối tượng đã được ký kết.

2. Bên nước ngoài gửi đơn xin đăng ký hợp đồng lixăng cho Cục Sáng chế phải thông qua người đại diện được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

3. Người nộp đơn xin đăng ký hợp đồng lixăng phải nộp lệ phí đăng ký theo quy định.

4. Hồ sơ xin đăng ký hợp đồng lixăng bao gồm :

— Đơn xin đăng ký hợp đồng lixăng.

— Hợp đồng lixăng đã được phê duyệt (trường hợp ký kết với nước ngoài) hoặc hợp đồng lixăng đã được ký kết (nếu hợp đồng được ký giữa các bên trong nước).

— Biên lai đã nộp tiền lệ phí đăng ký hợp đồng lixăng.

5. Sau khi nhận đơn xin đăng ký hợp đồng lixăng của cả hai bên ký kết hợp đồng, Cục Sáng chế sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng lixăng, ghi nhận hợp đồng trên vào sổ đăng bạ hợp đồng lixăng và công bố việc chuyển giao quyền sử dụng trên thông báo sở hữu công nghiệp của Cục Sáng chế.

Điều 15. —

1. Quyết định phê duyệt và giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng lixăng là căn cứ để cấp giấy phép xuất nhập khẩu, sử dụng ngoại tệ, vay vốn Ngân hàng và đề bảo đảm các quyền sở hữu công nghiệp.

2. Các cá nhân và pháp nhân cố tình không thực hiện nghĩa vụ đăng ký và phê duyệt hợp đồng lixăng có thể bị xử lý hành chính, phạt tiền hoặc truy tố trước pháp luật, tùy theo mức độ gây thiệt hại do hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ đăng ký và phê duyệt gây ra.

Điều 16. — Sau khi hợp đồng lixăng có hiệu lực, các cá nhân và pháp nhân trong nước có tài khoản ở Ngân hàng, có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng cho Trọng tài kinh tế có thẩm quyền để theo dõi.

Chương IV

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 17.

1. Sau khi hợp đồng lixăng có hiệu lực pháp lý, các bên tham gia ký kết hợp đồng có trách nhiệm thực hiện các cam kết theo đúng tiến độ về nội dung và chất lượng công việc đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên ký kết có thể thỏa thuận thay thế, sửa đổi, bổ sung những điều khoản đã được ký kết. Mọi điều thay thế, sửa đổi, bổ sung phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và trong trường hợp ký với bên nước ngoài, những điều thay thế, sửa đổi, bổ sung đó chỉ có hiệu lực sau khi được phê duyệt theo quy định ghi trong chương III của Điều lệ.

3. Hợp đồng lixăng có thể bị hủy bỏ trong trường hợp :

— Hai bên ký kết nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965331319

— Một trong hai bên ký kết đã vi phạm những điều cam kết tới mức hợp đồng không thể tiếp tục triển khai được mặc dù bên vi phạm đã được thông báo trước 90 ngày bằng văn bản của phía bên kia, nhưng bên vi phạm không có biện pháp khắc phục.

— Khi có trường hợp bất khả kháng làm cho hợp đồng không thể thực hiện tiếp tục, trong thời hạn 7 ngày, bên gặp bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia về hoàn cảnh bất khả kháng.

— Khi có quyết định hủy bỏ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền xét xử.

4. Sau khi hủy bỏ hợp đồng, các cá nhân, pháp nhân phải thông báo ngay cho cơ quan chủ quản (nếu có) và Cục Sáng chế thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước chậm nhất là 15 ngày sau khi có quyết định hủy bỏ hợp đồng. Việc hủy bỏ hợp đồng lixăng sẽ được Cục Sáng chế ghi nhận vào sổ đăng bạ và công bố trên thông báo của Cục.

Điều 18. – Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, các bên ký kết hợp đồng lixăng có trách nhiệm thông báo cho nhau mọi sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích hay sáng chế nảy sinh trong quá trình áp dụng đối tượng lixăng. Điều kiện để được phép sử dụng các kỹ thuật mới đó do các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận trong hợp đồng lixăng bổ sung.

Điều 19. — Các bên ký kết hợp đồng lixăng có trách nhiệm giữ bí mật tất cả các thông tin và kiến thức kỹ thuật thuộc bí quyết kỹ thuật đã được chuyển giao. Trách nhiệm này phải được thực hiện trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng và cả thời gian sau khi hợp đồng hết hiệu lực cho tới lúc những thông tin và kiến thức kỹ thuật được chuyển giao trở nên công khai.

Điều 20. — Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm bảo vệ các quyền được chuyển giao thông qua hợp đồng.

a) Trường hợp một trong hai bên tham gia ký kết hợp đồng phát hiện các quyền được chuyển giao có nguy cơ bị xâm phạm thì bên phát hiện có trách nhiệm thông báo ngay cho bên kia để cùng nhau có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

b) Trong trường hợp bên thứ ba xâm phạm các quyền đã được chuyển giao theo hợp đồng, bên bán lixăng có trách nhiệm tiến hành những biện pháp cần thiết để buộc bên xâm phạm phải chấm dứt các hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại đã gây ra.

Tuy nhiên, trong trường hợp hợp đồng lixăng độc quyền, bên mua lixăng được quyền tiến hành các hoạt động chống lại việc xâm phạm của bên thứ ba nếu trong thời gian 3 tháng kể từ ngày được bên mua lixăng thông báo, bên bán lixăng không tiến hành việc khiếu nại. Trong trường hợp này, bên bán lixăng có trách nhiệm giúp bên mua lixăng.

c) Trường hợp do việc sử dụng đối tượng được chuyển giao theo hợp đồng lixăng dẫn đến việc khiếu nại của bên thứ ba thì bên bán lixăng có trách nhiệm với sự giúp đỡ của bên mua lixăng giải quyết khiếu nại đó.

d) Mọi chi phí liên quan đến việc bảo vệ các quyền được chuyển giao thông qua hợp đồng lixăng cũng như mọi khoản tiền bồi thường thu được theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét xử, sẽ được phân chia trên cơ sở thỏa thuận của hai bên ký kết hợp đồng.

Điều 21. —

1. Mọi tranh chấp nảy sinh giữa các bên ký kết hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng lixăng cần phải được giải quyết bằng con đường thương lượng giữa các bên.

2. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng cách nêu ở mục 1 trên thì :

a) Đối với các hợp đồng ký kết giữa các cá nhân và pháp nhân trong nước sẽ do :

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

— Trọng tài kinh tế giải quyết theo các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế, nếu các bên hoặc một trong các bên ký kết hợp đồng có tài khoản tại Ngân hàng.

— Tòa án sẽ giải quyết các tranh chấp liên quan tới khía cạnh dân sự của hợp đồng lixăng và những tranh chấp hợp đồng không thuộc phạm vi Trọng tài kinh tế.

b) Đối với hợp đồng lixăng được ký kết với Bên nước ngoài, nếu các bên ký kết không thỏa thuận cụ thể về cách thức giải quyết tranh chấp, bất đồng ý kiến giữa các bên, thì vụ tranh chấp hoặc bất đồng ý kiến đó sẽ được đưa ra trước tổ chức Trọng tài kinh tế Việt Nam hoặc một cơ quan xét xử khác do các bên thỏa thuận.

Điều 22. —

1. Nếu thấy quyết định của các cơ quan có thẩm quyền xét xử nêu tại điểm 2a của điều 21 là không thỏa đáng, các bên đương sự có quyền kháng cáo lên cơ quan có thẩm quyền xét xử cấp trên để giải quyết. Trong khi chờ đợi giải quyết, các bên vẫn phải chấp hành quyết định của cơ quan đã xét xử.

2. Khi xét xử kháng cáo, cơ quan có thẩm quyền xét xử và đương sự phải tuân thủ các nguyên tắc và thủ tục xét xử kháng cáo do Nhà nước quy định.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG MUA BÁN LIXĂNG

Điều 23. —

1. Thu nhập do việc bán lixăng là nguồn thu phải trích nộp ngân sách Nhà nước (nếu pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp Nhà nước hoặc xí nghiệp công tư hợp doanh) hoặc phải nộp thuế (nếu bên bán lixăng là cá nhân hoặc pháp nhân thuộc khu vực kinh tế tập thể, tư nhân hay Bên nước ngoài bán lixăng tại Việt Nam). Khoản trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế quy định như sau:

— Đối với các khoản thu theo phương thức trả gọn, hoặc trả theo kỳ vụ cho những hợp đồng lixăng có thời hạn hiệu lực dưới 5 năm, các cá nhân và pháp nhân (kể cả khu vực quốc doanh cũng như khu vực kinh tế tập thể, tư nhân hoặc Bên nước ngoài) phải trích nộp cho ngân sách Nhà nước hoặc thuế là 10% giá trị hợp đồng.

— Đối với các khoản thu trả theo kỳ vụ cho những hợp đồng lixăng có thời hạn hiệu lực trên 5 năm phải trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế 15% giá trị hợp đồng.

2. Đối với các hợp đồng lixăng được ký với Bên nước ngoài, khoản trích nộp ngân sách Nhà nước hoặc thuế phải được nộp bằng ngoại tệ thanh toán cho hợp đồng.

Điều 24. — Để khuyến khích đẩy mạnh lao động sáng tạo, các pháp nhân là cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước hoặc xí nghiệp công tư hợp doanh được phép trích 25% tiền thu được do việc bán lixăng (sau khi đã trừ đi các chi phí phục vụ cho việc đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng và trừ đi khoản trích nộp ngân sách Nhà nước nêu tại điều 23 của Điều lệ) để trả thù lao cho tác giả (và đồng tác giả nếu có) cho những người đã trực tiếp giúp đỡ tác giả hoàn thiện giải pháp kỹ thuật đã được bán và trả cho những người trực tiếp giúp đơn vị chuẩn bị và thực hiện hợp đồng lixăng. Phần còn lại đơn vị trích lập quỹ theo hướng dẫn chung của Nhà nước.

Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm và có quyền quyết định việc trả thù lao nói trên, theo đúng những quy định và hướng dẫn hiện hành của Nhà nước liên quan tới việc trả thù lao cho các hoạt động sở hữu công nghiệp.

Điều 25. —

1. Các cá nhân và pháp nhân có lixăng bán ra nước ngoài được quyền sử dụng ngoại tệ theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Khuyến khích các cá nhân và pháp nhân nước ngoài dùng tiền bán lì xăng cho bên Việt Nam để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam và việc đầu tư này, Bên nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. — Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để ban hành các thông tư giải thích và hướng dẫn bản Điều lệ này.

Điều 27. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể để áp dụng trong ngành mình, địa phương mình đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện Điều lệ này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 202 - HĐBT ngày 28-12-1988 về tiền lương công nhân, viên chức sản xuất, kinh doanh khu vực quốc doanh và công tư hợp doanh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Thi hành Nghị quyết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VIII thông qua kế hoạch kinh tế—xã hội năm 1989,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Các đơn vị sản xuất kinh doanh quốc doanh và công tư hợp doanh được sử dụng hệ thống thang bậc lương và các khoản phụ cấp nói tại Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 với mức lương tối thiểu quy định lại là 22.500đ/tháng để tính đơn giá lương theo sản phẩm hoặc dịch vụ và tính nộp bảo hiểm xã hội trên cơ sở định mức hao phí lao động hợp lý.

Điều 2. — Quỹ tiền lương của đơn vị, mức thu nhập thực tế của mỗi cán bộ, công nhân viên chức cũng như nguyên tắc phân phối và hạch toán yếu tố tiền lương trong chi phí sản xuất thực hiện theo đúng các quy định tại Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 và Nghị định số 50-HĐBT ngày 22-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3. — Xóa bỏ tỷ lệ khuyến khích lương sản phẩm, tỷ lệ tiền thưởng từ quỹ lương của công nhân, viên chức sản xuất, kinh doanh quy định tại Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985.

Điều 4. — Bữa ăn giữa ca do Hội đồng xí nghiệp và Giám đốc xí nghiệp quy định trên cơ sở hoàn thành nghĩa vụ thu nộp cho Ngân sách Nhà nước và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Điều 5. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1989.

Những quy định trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này. Đối với các đơn vị kinh tế trong lực lượng vũ trang, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ Lao động — Thương binh và xã hội và Bộ Tài chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965331